

Số: 298 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh
Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 329/TTr-STNMT ngày 23/12/2010 và Công văn số 139/STNMT-MT ngày 16/3/2011 về việc đề nghị phê duyệt dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (kèm theo Biên bản thẩm định ngày 02/12/2010 của Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh và Công văn số 223/SKHĐT-KTVX ngày 17/02/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (có Quy hoạch kèm theo), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm:

- Quy hoạch bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để phát triển bền vững.
- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, hộ gia đình và mọi công dân trong tỉnh.
- Bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc phòng ngừa là chính, kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên, trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước, thể chế và pháp luật đi đôi với nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi người dân và toàn xã hội.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường; bảo vệ và giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, khu vực khai thác khoáng sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến động khí hậu bất lợi đối với môi trường; ứng cứu và khắc phục có hiệu quả sự cố ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra.

- Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì và phát triển các Khu bảo tồn, Vườn Quốc gia. Đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên hàng đầu trong quy hoạch và phát triển đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và quy hoạch và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện phân vùng quản lý môi trường để quản lý phát triển kinh tế - xã hội và triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường theo mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phân đầu đến năm 2015 đạt và vượt các chỉ tiêu môi trường theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XIV đề ra, cụ thể: *Độ che phủ rừng đạt trên 68%; 90% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 90% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.*

- Đến năm 2020, phân đầu đạt các chỉ tiêu: *Độ che phủ rừng trên 70%; 95% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 95% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường, 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 100% các bệnh viện có trạm xử lý nước thải, lò đốt chất thải y tế nguy hại, 85% chất thải sinh hoạt đô thị, 75% chất thải rắn công nghiệp, chất thải y tế, chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý hợp vệ sinh; 65% đô thị loại V trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung.*

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

3.1. Giải pháp về cơ chế chính sách:

- Ban hành các quy định về cơ chế hành chính trong quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, cơ chế phối hợp triển khai Quy chế dân chủ ở cơ sở (các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, cộng đồng liên quan), nhất là trong nhiệm vụ thẩm định và quản lý sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giám sát môi trường hoặc công khai hóa công tác truyền thông, thông tin trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng và ban hành chính sách chung về nhiệm vụ phát triển bền vững tỉnh, trong đó tập trung chủ yếu cho các lĩnh vực chính là phát triển kinh tế, xã hội; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ về vốn và ưu đãi thuế đối với các cơ sở áp dụng công nghệ sản xuất sạch, ít chất thải, phân loại, tái chế, tái sử dụng, thu gom, xử lý chất thải và xã hội hóa các thành phần kinh tế tham gia quản lý bảo vệ môi trường. Xây dựng chính sách, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ, trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và ban hành các Quy chế về bảo vệ môi trường đối với khu, cụm công nghiệp, làng nghề; các vùng kinh tế động lực, các phân vùng môi trường được xác định theo Quy hoạch.

3.2. Giải pháp về tuyên truyền, giáo dục:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường đến các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân trong tỉnh, từng bước tạo thói quen, nếp sống và ý thức về bảo vệ môi trường của mỗi người dân. Phổ biến rộng rãi cho nhân dân, cán bộ các cơ quan, ban, ngành những vấn đề môi trường quan trọng của tỉnh, các mục tiêu cơ bản, các nội dung hoạt động cần thiết bảo vệ môi trường, các chương trình trọng điểm bảo vệ môi trường đã, đang và sẽ tiến hành.

- Tăng cường vai trò của Phát thanh, Truyền hình, Báo chí và các phương tiện truyền thông khác, khuyến khích tham gia mạnh mẽ, thiết thực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hoạt động thường xuyên, mở chương mục luật pháp liên quan đến bảo vệ môi trường và phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường. Huy động toàn thể quần chúng tham gia bảo vệ môi trường cùng cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

- Xây dựng mạng lưới giáo dục và xã hội hóa bảo vệ môi trường gồm tất cả cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác, có sự tham gia của các lĩnh vực truyền thông, báo chí, văn hóa nghệ thuật cũng như các tổ chức đoàn thể và các doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, tỉnh có một mạng lưới hoàn chỉnh về giáo dục và truyền thông môi trường phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xã hội bền vững.

3.3. Giải pháp về nguồn vốn:

Đa dạng hóa nguồn vốn và huy động mọi nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Bố trí nguồn kinh phí cho sự nghiệp môi trường từ nguồn chi ngân sách tỉnh, đảm bảo tăng dần theo tốc độ phát triển kinh tế.

- Nguồn vốn từ thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường.

- Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn của các Bộ, ngành.

- Tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Huy động các nguồn đầu tư từ xã hội cho công tác bảo vệ môi trường.

3.4. Tăng cường năng lực quản lý môi trường:

Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) “Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và các chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ, của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý môi trường từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý môi trường ở cấp cơ sở. Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các ngành.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý về môi trường cho cán bộ công chức làm công tác bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các quy định pháp luật áp dụng các chế tài cần thiết để xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường quan trắc, dự báo diễn biến chất lượng môi trường, xác định kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách của tỉnh. Phân loại các cơ sở ô nhiễm môi trường, cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm tiêu chuẩn môi trường.

3.5. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong môi trường, công nghệ sạch thân thiện với môi trường, phát triển công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch.

- Đẩy mạnh và khuyến khích công tác đầu tư nghiên cứu sâu về lĩnh vực tận dụng và tái chế chất thải, nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ sản xuất (nhất là đối với các cơ sở cũ, công nghệ lạc hậu) từng bước thay đổi công nghệ hiện đại theo hướng giảm tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, giảm lượng chất thải và rủi ro.

- Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững.

3.6. Áp dụng các công cụ kinh tế:

- Thực hiện nguyên tắc gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục bồi thường. Thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi, cải tạo môi trường, buộc bồi thường thiệt hại về môi trường.

- Áp dụng các chính sách cơ chế hỗ trợ vốn, khuyến khích về thuế, trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường. Khuyến khích áp dụng các cơ chế chuyển nhượng, trao đổi quyền phát thải và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

3.7. Tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh công tác phát triển với các tỉnh nhằm tận dụng kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật cho phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, đồng thời thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư. Tham gia các cuộc hội thảo, diễn đàn về phát triển bền vững, tham quan học tập kinh nghiệm từ các tỉnh có nền khoa học phát triển cũng như tiếp thu thêm kiến thức cho quá trình phát triển bền vững tại tỉnh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế. Xây dựng các dự án nghiên cứu khoa học có sự đầu tư của tổ chức trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, ... Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để học hỏi, tận dụng các kinh nghiệm, sự trợ giúp của bạn bè quốc tế trong sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

3.8. Các đề án, dự án, nhiệm vụ ưu tiên: Có 19 đề án, dự án, nhiệm vụ thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (*Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổ chức công bố dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt đến các cấp, các ngành, các huyện, thành phố, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh biết để triển khai thực hiện; chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện dự án Quy hoạch bảo vệ môi trường đồng bộ với quy hoạch ngành và các quy hoạch khác của địa phương.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KTN(Thái)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hải

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025.**

(kèm theo Quyết định số 288 ngày 30 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh)

DVT: Tỷ đồng.



STT	Tên đề án	Giai đoạn thực hiện	Cơ quan thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện	Nguồn vốn
1	Dự án phân loại rác sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	2011-2013	UBND TP Kon Tum	1	NSDP, xã hội hóa
2	Đề án tăng cường năng lực quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường từ cấp tỉnh đến cơ sở.	2011-2013	Sở TN&MT	0,3	NSDP, sự nghiệp BVMT
3	Dự án Khí sinh học cho ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	2011-2013	UBND huyện, thành phố	1	TW, NSDP, xã hội hóa
4	Dự án Điều tra, xử lý sự cố và khắc phục hậu quả của bom mìn, chất độc hoá học/Dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.	2011-2013	Sở TN&MT	0,6	ODA, TW
5	Dự án điều tra, thống kê xây dựng danh mục các loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh, đánh giá khả năng xâm nhập, xây dựng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát.	2011-2015	Sở TN&MT	0,6	ODA, NSDP
6	Dự án phát triển nhà vệ sinh công cộng tại thành phố Kon Tum.	2011-2015	UBND TP Kon Tum	1,5	TW, NSDP, xã hội hóa
7	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thành phố Kon Tum.	2011-2015	UBND TP Kon Tum	200	TW, ODA, NSDP
8	Chương trình tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư.	2011-2015	Sở TN&MT	1	NSDP, sự nghiệp BVMT
9	Dự án tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ đa dạng sinh học và an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh.	2011-2015	Sở TN&MT	0,7	TW, NSDP
10	Dự án hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng chương trình sản xuất sạch hơn và tiết	2011-2015	Sở Công thương	3	NSDP, sự nghiệp

STT	Tên đề án	Giai đoạn thực hiện	Cơ quan thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện	Nguồn vốn
	kiểm năng lượng (tại các cơ sở được lựa chọn).				BVMT, Doanh nghiệp
11	Biên soạn và xuất bản các ấn phẩm, tài liệu nâng cao nhận thức; các cẩm nang, sổ tay hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	2011-2020	Sở TN&MT	0,9	NSDP, sự nghiệp BVMT
12	Dự án tăng cường năng lực, cơ sở vật chất quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum.	2011-2025	Sở TN&MT	6	TW, NSDP, sự nghiệp BVMT
13	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Đắk Hà.	2012-2015	UBND huyện Đắk Hà	100	ODA
14	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Đắk Tô.	2012-2015	UBND huyện Đắk Tô	90	ODA
15	Dự án hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống ISO 14001 (tại các cơ sở được lựa chọn).	2012-2015	Sở Công thương	3	NSDP, sự nghiệp BVMT, Doanh nghiệp
16	Dự án xây dựng bãi chôn lấp chất thải nguy hại tại thành phố Kon Tum.	2015-2020	UBND TP Kon Tum	10	TW, ODA
17	Dự án xây dựng mô hình cộng đồng BVMT nông thôn (thành lập các Tổ tự quản về BVMT cấp xã) trên địa bàn tỉnh.	2015-2020	UBND các huyện, thành phố	27	NSDP, sự nghiệp BVMT, xã hội hóa (3 tỷ/huyện)
18	Dự án đầu tư nâng cấp Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh thành Vườn quốc gia thuộc tỉnh	2020-2025	Ban quản lý khu bảo tồn	20	TW hỗ trợ có mục tiêu và tài trợ khác
19	Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung trung tâm huyện Kon Rẫy (vị trí mới).	2020-2025	UBND huyện Kon Rẫy	10	ODA
	Tổng cộng			476,6	